

V, ngày 18 tháng 5 năm 2020

Số: 124/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 150/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị S** - Sinh năm 1991

Bị đơn: anh **Lê Thế A** - Sinh năm 1988

Đầu ĐKKHKT: Đội 10, xã T, thành phố V, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Thế A.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Lê Thị Hà V, sinh ngày 07/6/2010 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu. Anh Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị S tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

- Về tài sản chung, về tài sản riêng, nợ chung, công sức đóng góp: Hai bên xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị S xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị S đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001031 ngày 04/5/2020

của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Trả lại cho chị S 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSNDTP, tỉnh;
- UBND Xã T,
- TP V, T.P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Cao Thị Đào**